

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, mã ngành 7510605

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30/5/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 638/QĐ-ĐHDL ngày 24/5/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 670/QĐ-ĐHDL ngày 02/06/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc giao nhiệm vụ đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản số 1971/BB-ĐHDL, ngày 30/8/2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Điện lực về việc thông qua chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Khoa Quản lý Công nghiệp & Năng lượng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, mã ngành 7510605 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, mã ngành 7510605 được áp dụng từ khóa D17.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Đào tạo, Khoa Quản lý Công nghiệp & Năng lượng và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 12

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, Anhlvt (02).

Q. HIỆU TRƯỞNG



Dinh Văn Châu

Phụ lục
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
Mã ngành 7510605
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 316/QĐ-DHDL ngày 30 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực)*

1. Thông tin về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo:

Tên tiếng Việt:

Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Tên tiếng Anh:

Logistics and supply chain management

Mã ngành đào tạo:

7510605

Trình độ đào tạo:

Đại học

Thời gian đào tạo:

4,5 năm

Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bằng Kỹ sư

Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Điện lực

Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định số 226/QĐ-KĐCL ngày 30 tháng 6 năm 2018 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo toàn diện kỹ sư ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có khả năng áp dụng những nguyên lý và kỹ năng kỹ thuật trong việc hỗ trợ kỹ thuật và những dự án có liên quan. Đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, có khả năng học tập suốt đời, có năng lực sáng tạo và khởi nghiệp. Kết quả nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PEO 1. Kiến thức chuyên môn toàn diện trong lĩnh vực nghề nghiệp thuộc ngành đào tạo;

PEO 2. Khả năng nghiên cứu, sáng tạo và linh hoạt ứng dụng các lý thuyết, kết quả nghiên cứu vào thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn cụ thể; Khả năng học tập suốt đời và thích nghi với bối cảnh tổ chức, doanh nghiệp, xã hội và môi trường khác nhau;

PEO 3. Đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; thái độ tích cực và ý thức phục vụ cộng đồng.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Chuẩn đầu ra

Bảng 1. Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
PLO1	Hiểu biết về kiến thức lý thuyết để giải quyết các bài toán trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
PLO2	Hiểu biết về kiến thức khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật để thực hiện các công việc trong lĩnh vực chuyên môn
PLO3	Sử dụng kiến thức về công nghệ thông tin để giải quyết các công việc trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
PLO4	Hiểu biết kiến thức về lập kế hoạch, đo lường, phân tích, giám sát để thực hiện các hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
PLO5	Hiểu biết về các công cụ quản lý, tối ưu hóa trong các hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
PLO6	Hiểu biết kiến thức thực tế trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
PLO7	Sử dụng các thiết bị kỹ thuật và các công cụ để kiểm tra, đo lường, phân tích kết quả trong hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
PLO8	Có kỹ năng làm việc và dẫn dắt nhóm Có kỹ năng khởi nghiệp, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác
PLO9	Có kỹ năng phản biện
PLO10	Có kỹ năng sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện thay đổi
PLO11	Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm
PLO12	Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc
PLO13	Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam
PLO14	Có ý thức làm việc theo nhóm và làm việc độc lập trong môi trường làm việc thay đổi. Có trách nhiệm nghề nghiệp cao, tôn trọng ý kiến của người khác
PLO15	Có trách nhiệm hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ
PLO16	Có trách nhiệm tự định hướng, đề xuất và bảo vệ được quan điểm cá nhân
PLO17	Có ý thức về đảm bảo chất lượng, tiến độ và liên tục cải tiến trong công việc

3.2 Chỉ báo cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PLOs	PIs	Nội dung chỉ báo	Trọng số (%)
PLO1	PI1.1	Nhận diện được các kiến thức cơ bản về toán học và khoa học tự nhiên; một số kiến thức lý thuyết thuộc lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; ngoại ngữ cần để sử dụng.	30
	PI1.2	Sử dụng các kiến thức cơ bản về toán học và khoa học tự nhiên; một số kiến thức lý thuyết thuộc lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; ngoại ngữ cần thiết phù hợp với tình huống trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	30
	PI1.3	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về toán học và khoa học tự nhiên; một số kiến thức lý thuyết thuộc lĩnh vực	40

PLOs	PIs	Nội dung chỉ báo	Trọng số (%)
		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; ngoại ngữ cần thiết để giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
PLO2	PI2.1	Hiểu các kiến thức khoa học xã hội để thực hiện các công việc trong lĩnh vực chuyên môn	30
	PI2.2	Hiểu các kiến thức khoa học chính trị để vận dụng vào thực tế công việc trong lĩnh vực chuyên môn	30
	PI2.3	Hiểu các kiến thức về pháp luật để thực hiện các công việc trong thực tiễn lĩnh vực chuyên môn.	40
PLO3	PI3.1	Sử dụng các thiết bị, phần mềm và dịch vụ cntt phục vụ hoạt động chuyên môn	20
	PI3.2	Khai thác, quản lý và phân tích dữ liệu phục vụ quá trình Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	30
	PI3.3	Sử dụng năng lực số để giải quyết công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong môi trường công nghiệp 4.0	50
PLO4	PI4.1	Nhận diện được các kiến thức cần thiết phục vụ việc lập kế hoạch, đo lường, phân tích, cải tiến, giám sát để ứng dụng vào chuyên môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	30
	PI4.2	Xây dựng kế hoạch, tổ chức đo lường, phân tích và giám sát các hoạt động chuyên môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	70
PLO5	PI5.1	Nhận diện các kiến thức cần thiết để quản lý điều hành các hoạt động của Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	40
	PI5.2	Áp dụng các hệ thống quản lý điều hành vào chuyên môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng	60
PLO6	PI6.1	Nhận diện các hoạt động thực tế trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	20
	PI6.2	Phân tích đánh giá các tình huống thực tế của lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	30
	PI6.3	Đề xuất giải pháp cải tiến trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	50
PLO7	PI7.1	Phát hiện các vấn đề trong hoạt động chuyên môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	20
	PI7.2	Lựa chọn các thiết bị kỹ thuật và các công cụ phù hợp để kiểm tra, đo lường, phân tích kết quả trong hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	30
	PI7.3	Sử dụng các thiết bị kỹ thuật và các công cụ để kiểm tra, đo lường, phân tích kết quả trong hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	50
PLO8	PI8.1	Nhận biết cơ hội khởi nghiệp, thành lập nhóm thực hiện các hoạt động chuyên môn	20
	PI8.2	Tổ chức khởi nghiệp hoặc tổ chức các hoạt động của nhóm	40
	PI8.3	Phát triển nhóm	20

PLOs	PIs	Nội dung chỉ báo	Trọng số (%)
	PI8.4	Lãnh đạo nhóm	20
PLO9	PI9.1	Xác định các thông tin phù hợp để làm căn cứ phản biện	20
	PI9.2	Phân tích các thông tin để làm minh chứng phản biện	20
	PI9.3	Tổng hợp thông tin để làm minh chứng	20
	PI9.4	Đưa ra các luận điểm, luận cứ	40
PLO10	PI10.1	Nhận diện vấn đề liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong điều kiện thay đổi	20
	PI10.2	Nhận diện, phân tích các giải pháp trong điều kiện thay đổi	30
	PI10.3	Đề xuất giải pháp trong điều kiện thay đổi	50
PLO11	PI11.1	Xác định các công cụ đánh giá chất lượng công việc	20
	PI11.2	Sử dụng các công cụ đánh giá chất lượng công việc	30
	PI11.3	Tổng hợp và phân tích số liệu phục vụ việc đánh giá hiệu suất công việc	50
PLO12	PI12.1	Tổng hợp các thông tin cần truyền đạt	40
	PI12.2	Tổ chức quá trình giao tiếp để truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc	60
PLO13	PI13.1	Đọc hiểu tài liệu tiếng anh liên quan đến lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng	60
	PI13.2	Sử dụng tiếng anh để giao tiếp trong môi trường quốc tế	40
PLO14	PI14.1	Có ý thức làm việc độc lập trong môi trường khác nhau	30
	PI14.2	Có trách nhiệm làm việc trong các nhóm đa ngành, tương tác với các thành viên trong nhóm để đạt được mục tiêu chung	40
	PI14.3	Có trách nhiệm nghề nghiệp cao, tôn trọng sự khác biệt	30
PLO15	PI15.1	Có ý thức hướng dẫn người khác thực hiện công việc chuyên môn trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng	50
	PI15.2	Chủ động giám sát và đôn đốc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm	50
PLO16	PI16.1	Chủ động định hướng phát triển cá nhân	50
	PI16.2	Chủ động đưa ra các quyết định và có trách nhiệm bảo vệ ý kiến cá nhân	50
PLO17	PI17.1	Có ý thức về đảm bảo chất lượng và tiến độ công việc	30
	PI17.2	Có ý thức cải tiến, thay đổi liên tục	30
	PI17.3	Có ý thức đánh giá hiệu quả hoạt động	40

4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trang bị cho sinh viên tốt nghiệp năng lực để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, sau khi ra trường sinh viên có thể làm việc tại:

- Phòng điều phối vận tải tại hãng hàng không, Công ty dịch vụ Logistics
- Phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu, Phòng chứng từ xuất nhập khẩu, Phòng giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, bộ phận khai quan, cơ quan hải quan
- Bộ phận quản lý kho bãi với vai trò là người thực hiện trực tiếp hoặc điều hành và quản lý.
- Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề;
- Viện nghiên cứu, các trung tâm, các cơ quan nghiên cứu của các Bộ, ngành, các trường Đại học, Cao đẳng.

5. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ

Người học sau khi tốt nghiệp trình độ đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu khoa học ở bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của các chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Quản lý công nghiệp tại các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế;

Tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

6. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo:

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên);
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Đáp ứng các điều kiện khác của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT);
- Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 154 tín chỉ (Không bao gồm khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

8. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc của chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

STT	Nội dung kiến thức	Số học phần	Số TC	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	Kiến thức giáo dục đại cương	16	42	27,27%	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	41	104	67,53%	
1	Kiến thức cơ sở ngành	13	31	20,13%	
1.1	<i>Các học phần lý thuyết, hỗn hợp</i>	12	29		
1.1.1	Bắt buộc	11	27		
1.1.2	Tự chọn	1	2		
1.2	<i>Các học phần thực hành, thực tập.</i>	1	2		
1.2.1	Bắt buộc	1	2		
1.2.2	Tự chọn	0	0		
2	Kiến thức ngành	27	69	44,81%	
2.1	<i>Các học phần lý thuyết, hỗn hợp</i>	21	51		
2.1.1	Bắt buộc	18	45		
2.1.2	Tự chọn	3	6		
2.2	<i>Các học phần thực hành, thực tập.</i>	6	18		
2.2.1	Bắt buộc	5	10		
2.2.2	Tự chọn	0	0		
3	Thực tập tốt nghiệp	1	4	2,60%	
III	Đồ án tốt nghiệp	1	8	5,19%	
Tổng cộng		58	154	100,00%	

9. Nội dung chương trình

STT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	LT	TH	Nội dung (tóm tắt)
1	1	004342	Giáo dục quốc phòng 1	3	45	0	Thực hiện theo Quyết định số 1547/QĐ-ĐHDL ngày 04/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về Chương trình môn học giáo dục thể chất dùng cho hệ đại học. Chương trình cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội cho sinh viên với tinh thần, thái độ tự giác, tích cực. Giúp người học nhận thức tầm quan trọng của việc rèn luyện thân thể và phát triển thể chất cho bản thân.
2	1	004343	Giáo dục quốc phòng 2	2	30	0	
3	1	004344	Giáo dục quốc phòng 3	2	10	50	
4	1	004345	Giáo dục quốc phòng 4	4	20	80	
5	1	000801	Giáo dục thể chất 1	1	5	10	Thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ GD&ĐT về Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp
6	1	000808	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học. Chương trình cung cấp
7	1	000813	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	những kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ
8	1	000816	Giáo dục thể chất 4	1	0	30	năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Bước đầu làm quen với tác phong, nề nếp, các chế độ sinh hoạt, học tập trong môi trường quân đội, có ý thức tổ chức kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, cộng đồng ở trường, lớp.
9	1	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0	Cung cấp kiến thức cơ bản về các ngành Luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Phòng chống tham nhũng...
10	1	004545	Toán cao cấp 1	3	45	0	Trang bị cho sinh viên lý thuyết đại số tuyến tính cần thiết phục vụ cho việc học các môn chuyên ngành. Học phần này cung cấp cho sinh viên các khái niệm và tính chất cơ bản của đại số tuyến tính như số phức, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, trị riêng, véc to

STT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	LT	TH	Nội dung (tóm tắt)
							riêng, chéo hóa ma trận, dạng toàn phương. Cung cấp cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức đại số tuyến tính để giải một số bài toán cơ bản trong kinh tế, kỹ thuật và trong thực tế
11	1	003923	Triết học Mác - Lê nin	3	45	0	Cung cấp những kiến thức nền tảng của Triết học Mác - Lê nin, bao gồm: triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử.
12	1	004547	Ứng dụng CNTT cơ bản	3	39	12	Trang bị cho người học một số vấn đề cơ bản và thiết thực về Công nghệ thông tin như: Mạng máy tính và Internet, phòng và chống virus, tổ chức và quản lý các tài nguyên của máy tính, sử dụng hệ điều hành và xử lý các lỗi thông thường. Bên cạnh đó, khóa học trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khai thác, sử dụng một số phần mềm ứng dụng phổ biến, bao gồm: Hệ soạn thảo văn bản, Chương trình bảng tính điện tử, Phần mềm trình chiếu, Trình duyệt web và các dịch vụ cơ bản như tìm kiếm và thư điện tử
13	1	003612	Vật lý đại cương	3	45	0	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của vật lý bao gồm các phân Cơ, Nhiệt, Điện, Từ, Cơ học lượng tử, Nguyên tử và Hạt nhân làm cơ sở cho việc tiếp cận các môn học chuyên ngành trình độ đại học các ngành khoa học, kỹ thuật và công nghệ
14	1	004553	Đại cương về Hóa học trong khoa học vật liệu	2	30	0	Trang bị những kiến thức về nguyên tử, phân tử, liên kết hóa học, từ đó hiểu được về cấu trúc vật liệu; nắm được những nội dung kiến thức cơ bản nhất của nhiệt động học áp dụng cho các quá trình hóa học; có kiến thức về các quá trình điện hóa; các loại vật liệu, hiểu về ăn mòn và ứng dụng của vật liệu
15	2	003137	Tiếng Anh 1	4	45	0	Cung cấp các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ về các chủ đề quen thuộc trong đời sống, công việc, học tập hàng ngày giúp người học có thể xử lý cơ bản hầu hết các tình huống phát sinh khi đến khu vực nói Tiếng Anh với điều kiện người nói sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, chuẩn xác; cung cấp kiến thức nền tảng, giúp người học hướng tới năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
16	2	004546	Toán cao cấp 2	3	45	0	Trang bị cho sinh viên lý thuyết giải tích hàm một biến, nhiều biến cần thiết phục vụ cho việc học các môn chuyên ngành. Học phần giúp sinh viên hiểu được những kiến thức nền tảng của Giải tích thực một biến và nhiều biến như giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, tích phân, tích phân suy rộng, tích phân bội, tích phân đường, chuỗi số, chuỗi hàm, phương trình vi phân.

STT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	LT	TH	Nội dung (tóm tắt)
17	2	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	30	0	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác - Lê nin, về hàng hoá, thị trường, lý luận giá trị thặng dư của Mác, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay.
18	2	004552	Năng lượng cho phát triển bền vững	2	30	0	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về năng lượng và các chính sách phát triển năng lượng cho phát triển bền vững. Sinh viên được trang bị những kiến thức về khái niệm các nguồn năng lượng, nhu cầu sử dụng năng lượng, cấu trúc hệ thống năng lượng Việt Nam, các khái niệm về biến đổi khí hậu và các chính sách năng lượng gắn liền với phát triển bền vững kinh tế - xã hội và môi trường
19	2	004551	Đại cương về quản lý điều hành và khởi nghiệp	3	45	0	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp quản lý. Để từ đó sinh viên có thể vận dụng các kiến thức này vào thực tiễn trong hoạt động của cá nhân, đội nhóm, tập thể cũng như hoạt động chuyên môn như: Lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.
20	2	003657	Xác suất thống kê	2	30	0	Trang bị cho sinh viên lý thuyết xác suất và thống kê cần thiết phục vụ cho việc học các môn chuyên ngành. Lý thuyết xác suất bao gồm các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối của biến ngẫu nhiên, từ đó hiểu được tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Phần Thống kê vận dụng lý thuyết xác suất để nghiên cứu những kiến thức cơ bản về thống kê bao gồm cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, các phương pháp ước lượng tham số và bài toán kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề trong kỹ thuật và kinh tế.
21	3	004549	Tiếng Anh 2	4	45	0	Cung cấp các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ về các chủ đề quen thuộc trong đời sống, công việc, học tập hàng ngày giúp người học có thể xử lý hầu hết các tình huống phát sinh khi đến khu vực nói Tiếng Anh với điều kiện người nói sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, chuẩn xác; cung cấp kiến thức nền tảng, giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
22	3	004598	Vẽ kỹ thuật	2	30	0	Trang bị kiến thức, kỹ năng lập và đọc các bản vẽ kỹ thuật, bồi dưỡng và phát triển trí tưởng tượng không gian và tư duy kỹ thuật. Đồng thời, học phần này còn rèn luyện tác phong làm việc khoa học, chính xác, cẩn thận, có ý thức tổ chức kỷ luật trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

STT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	LT	TH	Nội dung (tóm tắt)
23	3	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm: sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
24	3	001189	Kinh tế học đại cương	2	30	0	Cung cấp kiến thức cơ bản về cơ chế vận hành của các thành viên trong nền kinh tế cũng như của tổng thể nền kinh tế, kỹ năng phân tích và giải quyết những bài toán cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô
25	3	003381	Toán kinh tế	3	45	0	Cung cấp kiến thức về phương pháp xây dựng mô hình bài toán tối ưu; thuật toán giải các bài toán tối ưu; hướng dẫn một số phần mềm giải bài toán tối ưu
26	3	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0	Trang bị cho người học các kỹ năng giải quyết các vấn đề về mặt kỹ thuật của kế toán quản trị từ đó giúp cho người học nắm chắc các nội dung liên quan đến trình bày và đọc hiểu các thông tin trong các báo cáo kế toán quản trị
27	3	003105	Thương mại điện tử	2	30	0	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh trong thương mại điện tử, các quy trình kinh doanh; xác định các cơ hội của thương mại điện tử; bản chất quốc tế của thương mại điện tử, thanh toán điện tử, các công cụ marketing trong môi trường thương mại điện tử, các rủi ro và cách phòng tránh rủi ro trong thương mại điện tử, Cung cấp các phương pháp tích hợp hoạch định thương mại điện tử trong kinh doanh; các chiến lược phát triển website thương mại điện tử; quản lý thực hiện dự án thương mại điện tử.
28	4	004554	Thực hành Autocad	2	0	60	Cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về sử dụng phần mềm AutoCAD để tạo bản vẽ, đọc bản vẽ, hiệu chỉnh bản vẽ và in ấn bản vẽ kỹ thuật cho sinh viên khối Công nghệ kỹ thuật và Kỹ thuật.
29	4	001207	Kinh tế quốc tế	2	30	0	Cung cấp những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển các mối quan hệ kinh tế quốc tế. Tìm hiểu những vấn đề cơ bản của kinh tế thế giới và xu hướng phát triển chủ yếu của kinh tế thế giới. Dựa trên những nguyên tắc cơ bản của hệ thống thương mại đa phương để định hình những chính sách thương mại quốc tế, từng bước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn cho các nền kinh tế khác nhau

STT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	LT	TH	Nội dung (tóm tắt)
30	4	003783	Kinh tế lượng	3	45	0	Cung cấp kiến thức về phương pháp phân tích định lượng và kỹ năng ứng dụng các phương pháp phân tích định lượng vào phân tích mối quan hệ giữa các biến số kinh tế.
31	4	001208	Kinh tế vận tải	2	30	0	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về kinh tế trong hoạt động vận tải. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và chủ động học tập, nghiên cứu
32	4	002168	Quản lý nguồn nhân lực	2	30	0	Cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, chức năng, thách thức và các hoạt động của quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức như: tuyển dụng, tuyển chọn, bố trí sử dụng, đăi ngộ và duy trì nguồn nhân lực trong tổ chức
33	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	Cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về quản lý tài chính trong doanh nghiệp: như giá trị thời gian của tiền, cách xác định giá trị của cổ phiếu trái phiếu, xác định chi phí sử dụng vốn dài hạn của doanh nghiệp và cách xác định dòng tiền của dự án đầu tư; từ đó, xây dựng, tính toán và thẩm định để đưa ra quyết định tài chính đúng đắn, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp và đảm bảo an toàn về mặt tài chính
34	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.
35	4	002134	Quản lý logistics	2	30	0	Học phần cung cấp kiến thức đầy đủ về các thành phần tham gia cũng như những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định trong hoạt động quản lý logistics. Đồng thời, cách thức quản lý vận tải, quản lý dự trữ được phân tích chi tiết. Qua đó sinh viên có kiến thức tổng quan về môn học nhằm tạo nền tảng cho học các môn chuyên ngành đặc thù sau này.
36	5	000504	Định mức kinh tế - kỹ thuật	2	30	0	Định mức kinh tế kỹ thuật có vai trò hết sức quan trọng đối với hoạt động tổ chức và quản lý các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức, công cụ để tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh hợp lý, hiệu quả thông qua việc thiết lập các tiêu chuẩn và loại bỏ lãng phí. Học phần góp phần làm đạt được mục tiêu tổ chức, quản lý, điều hành, hoạch định trong các hệ thống sản xuất công nghiệp.
37	5	003928	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, vai trò của Đảng cộng sản trong cách mạng tháng Tám 1945; vai trò của

STT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	LT	TH	Nội dung (tóm tắt)
							Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1945-1975); và chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng từ năm 1975 đến nay.
38	5	002199	Quản lý tác nghiệp	3	45	0	Học phần Quản lý tác nghiệp cung cấp kiến thức về nền tảng hệ thống vận hành sản xuất của doanh nghiệp, kiến thức về quản lý vận hành và kỹ năng cần thiết ; giải quyết vấn đề sản xuất và ra quyết định vận hành hệ thống sản xuất. Học phần bao gồm 9 nội dung chính liên quan đến các quyết định quan trọng trong quản lý vận hành: Tổng quan về sản xuất; dự báo ; chiến lược quá trình ; chiến lược địa điểm, thiết kế mặt bằng ; hoạch định tổng hợp ; hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu ; quản trị dự trữ ; kiểm soát và lên thời biểu sản xuất.
39	5	001495	E - Logistics	2	30	0	E-Logistic là học phần chuyên ngành bắt buộc cho sinh viên chuyên ngành HTTMĐT. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy trình logistic trong TMĐT và phương pháp tối ưu trong logistic. Khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu quy trình logistic, có khả năng cài đặt và vận hành một hệ thống phần mềm logistic
40	5	004603	Kiểm soát chất lượng công nghiệp	2	30	0	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về các phương pháp quản lý và kiểm soát quá trình chất lượng sản phẩm công nghiệp.
41	5	002110	Quản lý chuỗi cung ứng	3	45	0	Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về những nguyên tắc và việc điều hành doanh nghiệp nhằm mục đích nâng cao năng lực của chuỗi cung ứng. Đồng thời, môn học cung cấp những kỹ thuật, công nghệ và hệ thống đo lường được dùng trong việc kết hợp hoạt động của doanh nghiệp với các đối tác nằm trong chuỗi cung ứng.
42	5	002369	Thanh toán quốc tế	3	45	0	Học phần Thanh toán quốc tế (TTQT) trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hoạt động và kỹ năng cần thiết trong thanh toán quốc tế. Học phần bao gồm những nội dung kiến thức tổng quan về TTQT, chứng từ thông dụng trong TTQT, các phương tiện TTQT, các phương thức thanh toán trong các giao dịch thương mại, dịch vụ quốc tế. Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các loại chứng từ thông dụng trong TTQT, kiến thức căn bản về các nghiệp vụ thông thường trong thanh toán quốc tế. Ngoài ra, sinh viên có khả năng lập hợp đồng ngoại thương, chuẩn bị các chứng từ tài chính và thương mại như hối phiếu, chứng từ vận tải, chứng từ bảo hiểm, thực hiện các công việc liên quan trong từng phương thức thanh toán quốc tế. Các nội dung kiến thức này đóng góp giá trị cho

STT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	LT	TH	Nội dung (tóm tắt)
							quá trình thực hiện nghiệp vụ tài trợ thương mại trong ngân hàng hay khâu thanh toán quốc tế trong nghiệp vụ xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.
43	5	001806	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại thương	2	30	0	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại thương trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản bao gồm: Các phương thức giao dịch mua bán trên thị trường thế giới, hợp đồng và chứng từ thương mại quốc tế (kèm các điều kiện thương mại quốc tế), thanh toán quốc tế, đàm phán thương mại quốc tế, thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, vận tải giao nhận quốc tế và bảo hiểm, thủ tục hải quan (góc độ doanh nghiệp), và một số nội dung nghiệp vụ ngoại thương khác.
44	6	002000	Phân tích và quản lý dự án	3	45	0	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, phương pháp phân tích kinh tế, tài chính và quản lý dự án đầu tư, hỗ trợ kiến thức để học các học phần khác; Sinh viên có kỹ năng tính toán phân tích hiệu quả kinh tế tài chính và quản lý dự án đầu tư
45	6	002867	Thực tập nhận thức Logistics và chuỗi cung ứng	2	0	60	Học phần Tiếng Anh Chuyên ngành Logistics cung cấp cho người học vốn từ vựng, các thuật ngữ chuyên ngành trong lĩnh vực Logistics như vận tải, kho bãi, chứng từ xuất nhập khẩu... Thông qua các bài tập thuộc nhóm 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, học phần này giúp sinh viên củng cố lại kiến thức ngữ pháp, nâng cao vốn từ vựng, trau dồi kỹ năng nghe, nói đọc hiểu tài liệu, tóm tắt các nội dung chuyên ngành Logistics. Từ đó, sinh viên được trang bị đầy đủ về kiến thức và kỹ năng để có thể trao đổi công việc, đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh để triển khai các công việc chuyên môn.
46	6	004506	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	3	45	0	Học phần Tiếng Anh Chuyên ngành Logistics cung cấp cho người học vốn từ vựng, các thuật ngữ chuyên ngành trong lĩnh vực Logistics như vận tải, kho bãi, chứng từ xuất nhập khẩu... Thông qua các bài tập thuộc nhóm 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, học phần này giúp sinh viên củng cố lại kiến thức ngữ pháp, nâng cao vốn từ vựng, trau dồi kỹ năng nghe, nói đọc hiểu tài liệu, tóm tắt các nội dung chuyên ngành Logistics. Từ đó, sinh viên được trang bị đầy đủ về kiến thức và kỹ năng để có thể trao đổi công việc, đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh để triển khai các công việc chuyên môn.
47	6	004607	Quản lý và thiết kế kho hàng	3	45	0	Học phần thiết kế kho hàng cung cấp cho người học các kiến thức, công cụ và phương pháp trong hoạt động quản lý dự trữ và kho hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần cung cấp hệ thống chỉ tiêu, công

STT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	LT	TH	Nội dung (tóm tắt)
							cụ đánh giá hoạt động vận hành kho, giúp người học có thể đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp trong thực tế. Đồng thời, môn học cho người học các phương pháp thiết kế một số loại kho hàng cơ bản. Tính toán được các thông số của kho hàng cho các khu vực chính, kệ lưu trữ, khoảng cách giá kệ...
48	6	002137	Quản lý mạng lưới phân phối	2	30	0	Trình bày những kiến thức cơ bản về tổ chức và quản lý hệ thống kênh phân phối sản phẩm của các doanh nghiệp như sự hoạt động của kênh phân phối, cấu trúc kênh, hành vi và các hình thức tổ chức các kiều kênh liên kết dọc.
49	6	004605	Phương pháp dự báo	3	45	0	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dự báo, ý nghĩa, các bước thực hiện dự báo, các loại dự báo và các phương pháp dự báo, phân tích nhu cầu trong các lĩnh vực, các ngành kinh tế ; Trang bị kiến thức và kỹ năng vận dụng các phương pháp và công cụ thực hành dự báo nhu cầu trong các lĩnh vực chuyên môn
50	6	004604	Nghiệp vụ hải quan	2	30	0	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hải quan của Việt Nam trong sự phù hợp với những quy định của hải quan thế giới ; quy trình thủ tục hải quan, trị giá hải quan, khai báo hải quan. Sau môn học, sinh viên có thể thực hiện các hoạt động liên quan đến quy trình thủ tục hải quan, thông quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu.
51	7	001307	Lập kế hoạch và điều độ sản xuất	3	45	0	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức, công cụ và phương pháp để lập kế hoạch và điều phối hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp hiệu quả.
52	7	004648	Thực tập nghiệp vụ ngành logistics	4	0	120	Học phần cung cấp những kiến thức về các đặc điểm của các phương thức vận tải hàng hóa và thủ tục giao nhận của các phương thức vận tải trong hoạt động ngoại thương.
53	7	004170	Vận tải và giao nhận hàng hóa	3	45	0	Học phần cung cấp những kiến thức về các đặc điểm của các phương thức vận tải hàng hóa và thủ tục giao nhận của các phương thức vận tải trong hoạt động ngoại thương.
54	7	003353	Hệ thống xếp dỡ hàng hoá	2	30	0	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về hệ thống xếp dỡ hàng hoá, nguyên vật liệu trong lĩnh vực Logistics như hoạt động sản xuất, vận tải, kho hàng; Phương pháp tổ chức công tác xếp dỡ bao gồm các công cụ, thiết bị, phương pháp xếp dỡ cơ giới và tự động trong quản lý vận tải và kho hàng phục vụ logistics hiệu quả; Giúp người học nhận biết, lựa chọn các công cụ, máy móc, thiết

STT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	LT	TH	Nội dung (tóm tắt)
							bị xếp dỡ phù hợp với từng loại hàng hoá và xây dựng được phương án xếp dỡ hiệu quả.
55	7	004606	Quản lý và khai thác cảng biển	2	30	0	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tổ chức khai thác và quản lý đối với một cảng biển.
56	7	004602	Hệ thống Quản lý sản xuất thông minh	2	30	0	Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các xu hướng sản xuất thông minh, tiên tiến trong các hệ thống sản xuất công nghiệp
57	7	004610	Thực hành hệ thống Logistics nhà máy	2	0	60	Học phần “Thực hành hệ thống Logistics nhà máy” được thực hiện ở phòng Thực hành mô phỏng một khu vực sản xuất trong một nhà máy, tạo điều kiện cho sinh viên được quan sát và thực hành các công đoạn sản xuất thực tế. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về quy trình tổ chức các hoạt động Logistics trong phạm vi nhà máy sản xuất, giúp sinh viên vận dụng các kiến thức mô phỏng nhằm phát hiện, giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động Logistics trong hệ thống sản xuất như: tối ưu hoá quy trình tổ chức Logistics, bố trí mặt bằng, chuỗi cung ứng, sản xuất tinh gọn Lean...
58	8	002023	Các vấn đề pháp lý về Logistics	2	30	0	Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về luật kinh tế, luật thương mại và những vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực Logistics như: các pháp nhân kinh doanh dịch vụ logistics tại Việt Nam, các quy định về pháp luật liên quan đến dịch vụ logistics, hợp đồng thương mại trong lĩnh vực logistics, giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại. Sinh viên được tiếp cận và phân tích các tình huống pháp lý thực tế xảy ra trong lĩnh vực logistics. Từ đó, sinh viên có khả năng xác định và giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật trong quá trình thực hành nghề nghiệp sau tốt nghiệp.
59	8	004608	Sản xuất tinh gọn	3	45	0	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về các quá trình sản xuất, các mô hình quá trình sản xuất, các khái niệm và nguyên tắc chung của hệ thống sản xuất tinh gọn Lean.
60	8	004154	Bảo hiểm hàng hóa trong ngoại thương	2	30	0	Học phần này cung cấp những kiến thức về các vấn đề rủi ro và tổn thất hàng hóa trong chuyên chở, các dạng hợp đồng bảo hiểm hàng hóa chuyên chở bằng đường biển và đường hàng không; Cách tính bồi thường trong các hợp đồng bảo hiểm hàng hóa.
61	8	001728	Mô phỏng hệ thống	3	45	0	Có khả năng hiểu và áp dụng các phương pháp mô phỏng dựa vào máy tính để mô phỏng các hệ thống khác nhau.

STT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	LT	TH	Nội dung (tóm tắt)
62	8	004615	Thực tập quản lý 1	4	0	120	Học phần giúp sinh viên tìm hiểu về đơn vị thực tập và thực hành các công việc thực tế tại các doanh nghiệp theo các chuyên đề khác nhau
63	8	004618	Thực tập quản lý 2	4	0	120	Học phần giúp sinh viên tìm hiểu về đơn vị thực tập và thực hành các công việc thực tế tại các doanh nghiệp theo các chuyên đề khác nhau
64	8	004599	Đồ án mô phỏng và mô hình hóa Logistics	2	0	30	Học phần cung cấp cho sinh viên khả năng mô phỏng một chuỗi cung ứng hoặc một tình huống trong quản lý logistic. Môn học cũng giúp sinh viên sử dụng thành thạo phần mềm Arena
65	9	004589	Đồ án tốt nghiệp	8	0	240	Học phần giúp sinh viên thực hiện nghiên cứu theo các chuyên đề khác nhau
66	9	004570	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	Học phần giúp sinh viên tìm hiểu về đơn vị thực tập và thực hành các công việc thực tế tại các doanh nghiệp theo các chuyên đề khác nhau
			Tổng cộng	154			

10. Kế hoạch đào tạo dự kiến theo từng kỳ

STT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
1	1	004342	Giáo dục quốc phòng 1	3	45	0		Chứng chỉ	Tự luận		BM GDTC
2	1	004343	Giáo dục quốc phòng 2	2	30	0		Chứng chỉ	Tự luận		BM GDTC
3	1	004344	Giáo dục quốc phòng 3	2	10	50		Chứng chỉ	Thực hành		BM GDTC
4	1	004345	Giáo dục quốc phòng 4	4	20	80		Chứng chỉ	Tự luận		BM GDTC
5	1	000801	Giáo dục thể chất 1	1	5	10		Chứng chỉ	Thực hành		BM GDTC
6	1	000808	Giáo dục thể chất 2	1	0	30		Chứng chỉ	Thực hành		BM GDTC
7	1	000813	Giáo dục thể chất 3	1	0	30		Chứng chỉ	Thực hành		BM GDTC
8	1	000816	Giáo dục thể chất 4	1	0	30		Chứng chỉ	Thực hành		BM GDTC
9	1	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0		GD DC	TN	2	BM KHCT
10	1	004545	Toán cao cấp 1	3	45	0		GD DC	Tự luận	2	KHTN
11	1	003923	Triết học Mác - Lê nin	3	45	0		GD DC	Tiêu luận	2	BM KHCT
12	1	004547	Ứng dụng CNTT cơ bản	3	39	12		GD DC	TN	2	CNTT
13	1	003612	Vật lý đại cương	3	45	0		GD DC	TN	2	KHTN
14	1	004553	Đại cương về Hóa học trong khoa học vật liệu	2	30	0		GD DC	TN	1	KHTN

STT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
15	2	003137	Tiếng Anh 1	4	45	0		GD ĐC	Tự luận	2	NN
16	2	004546	Toán cao cấp 2	3	45	0	004545	GD ĐC	Tự luận	2	KHTN
17	2	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	30	0		GD ĐC	Tiêu luận	2	BM KHCT
18	2	004552	Năng lượng cho phát triển bền vững	2	30	0		GD ĐC	BCCD	1	CNNL
19	2	004551	Đại cương về quản lý điều hành và khởi nghiệp	3	45	0		GD ĐC	TN	2	QLCN&NL
20	2	003657	Xác suất thống kê	2	30	0		GD ĐC	Tự luận	2	KHTN
21	3	004549	Tiếng Anh 2	4	45	0	003137	GD ĐC	Hỗn hợp	2	NN
22	3	004598	Vẽ kỹ thuật	2	30	0		CSN	Tự luận	2	CK&DL
23	3	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		GD ĐC	Tiêu luận	1	BM KHCT
24	3	001189	Kinh tế học đại cương	2	30	0		CSN	TN	1	QLCN&NL
25	3	003381	Toán kinh tế	3	45	0	003657, 004546	CSN	Tự luận	2	QLCN&NL
26	3	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0		Ngành	Tự luận	1	KT&QL
27	3	003105	Thương mại điện tử	2	30	0		CSN	TN	1	KT&QL
28	4	004554	Thực hành Autocad	2	0	60		CSN	Thực hành	4	XD
29	4	001207	Kinh tế quốc tế	2	30	0		CSN	Hỗn hợp	1	KT&QL
30	4	003783	Kinh tế lượng	3	45	0	003657, 001189	CSN	TN	2	QLCN&NL
31	4	001208	Kinh tế vận tải	2	30	0	001189	CSN	Tự luận	1	QLCN&NL
32	4	002168	Quản lý nguồn nhân lực	2	30	0		CSN	TN	1	KT&QL
33	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0		Ngành	TN	2	KT&QL
34	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		GD ĐC	Tiêu luận	2	BM KHCT
35	4	002134	Quản lý logistics	2	30	0		Ngành	Tự luận/TN/vấn đáp	1	QLCN&NL
36	5	000504	Định mức kinh tế - kỹ thuật	2	30	0		CSN	Tự luận	1	QLCN&NL
37	5	003928	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0		GD ĐC	Tiêu luận	2	BM KHCT
38	5	002199	Quản lý tác nghiệp	3	45	0		CSN	Tự luận	2	KT&QL
39	5	001495	E - Logistics	2	30	0		Ngành	BCCD, tự luận, Trắc nghiệm,	1	CNTT

STT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
40	5	004603	Kiểm soát chất lượng công nghiệp	2	30	0		Ngành	Tự luận/TN/BCCĐ	1	QLCN&NL
41	5	002110	Quản lý chuỗi cung ứng	3	45	0		Ngành	Tự luận	2	QLCN&NL
42	5	002369	Thanh toán quốc tế	3	45	0		CSN	Tự luận	2	KT&QL
43	5	001806	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại thương	2	30	0		Ngành	TN/Tự luận	1	KT&QL
44	6	002000	Phân tích và quản lý dự án	3	45	0		Ngành	TN	2	QLCN&NL
45	6	002867	Thực tập nhận thức Logistics và chuỗi cung ứng	2	0	60		Ngành	BCCD	0	QLCN&NL
46	6	004506	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	3	45	0	004549	Ngành	TN	2	QLCN&NL
47	6	004607	Quản lý và thiết kế kho hàng	3	45	0	002199, 002134	Ngành	Tự luận/Trắc nghiệm	2	QLCN&NL
48	6	002137	Quản lý mạng lưới phân phối	2	30	0		Ngành	Tự luận	1	QLCN&NL
49	6	004605	Phương pháp dự báo	3	45	0		CSN	Vấn đáp	2	QLCN&NL
50	6	004604	Nghiệp vụ hải quan	2	30	0	001806	Ngành	Tự luận	1	QLCN&NL
51	7	001307	Lập kế hoạch và điều độ sản xuất	3	45	0	004506	Ngành	Tự luận/Trắc nghiệm	2	QLCN&NL
52	7	004648	Thực tập nghiệp vụ ngành logistics	4	0	120	002867	Ngành	BCCD	0	QLCN&NL
53	7	004170	Vận tải và giao nhận hàng hóa	3	45	0		Ngành	Tự luận	2	QLCN&NL
54	7	003353	Hệ thống xếp dỡ hàng hoá	2	30	0	004607	Ngành	Tự luận	1	QLCN&NL
55	7	004606	Quản lý và khai thác cảng biển	2	30	0	001806	Ngành	Tự luận	1	QLCN&NL
56	7	004602	Hệ thống Quản lý sản xuất thông minh	2	30	0	002199	Ngành	TN/Tự luận/Vấn đáp	1	QLCN&NL
57	7	004610	Thực hành hệ thống Logistics nhà máy	2	0	60	004604	Ngành	BCCD	0	QLCN&NL
58	8	002023	Các vấn đề pháp lý về Logistics	2	30	0	001307	Ngành	Tự luận	1	QLCN&NL
59	8	004608	Sản xuất tinh gọn	3	45	0	004602	Ngành	TN/Tự luận/BCCĐ	2	QLCN&NL
60	8	004154	Bảo hiểm hàng hóa trong ngoại thương	2	30	0	004170	Ngành	Tự luận	1	QLCN&NL

STT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
61	8	001728	Mô phỏng hệ thống	3	45	0	004608	Ngành	TN/Tự luận/Vấn đáp	2	QLCN&NL
62	8	004615	Thực tập quản lý 1	4	0	120	004648	Ngành	BCCD	0	QLCN&NL
63	8	004618	Thực tập quản lý 2	4	0	120	004615	Ngành	BCCD	0	QLCN&NL
64	8	004599	Đồ án mô phỏng và mô hình hóa Logistics	2	0	30	001728	Ngành	BCCD	0	QLCN&NL
65	9	004589	Đồ án tốt nghiệp	8	0	240	004570	Đồ án	BCCD	0	QLCN&NL
66	9	004570	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	004618	TTTN	BCCD	0	QLCN&NL
			Tổng cộng	154							

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng được xây dựng theo định hướng ứng dụng. Phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường ĐHDL và theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn, giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thảo luận và tự học, lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, chương trình được biên soạn đảm bảo sự liên thông với các ngành đào tạo khác. Khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo định hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn sẽ do Ban Giám hiệu, Hội đồng khoa học và đào tạo Trường chỉ đạo thực hiện. Trên cơ sở các đơn vị tín chỉ đã được Hiệu trưởng, Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường phê duyệt, các khoa, bộ môn liên quan thực hiện và bổ sung sửa đổi để cập nhật với chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi. Đảm bảo nguyên tắc sinh viên học lại, học cải thiện cùng khóa sau, học vượt học cùng khóa trước.

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm, làm tiểu luận, bài tập lớn; 40 giờ thực tập tại cơ sở; 80 giờ làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

Một tiết học được tính bằng 50 phút; 1 giờ là 60 phút

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những đề xuất thay đổi về nội dung kiến thức sẽ đề xuất về đơn vị đầu mối trình Hội đồng khoa học và Đào tạo trường xem xét điều chỉnh. Trong từng giai đoạn cụ thể, các khoa chuyên môn đề xuất đơn vị quản lý đào tạo thay đổi các học phần tự chọn sao cho phù hợp với phát triển của khoa học và công nghệ.

12. Tổ chức giảng dạy và học tập

12.1. Trường không chấp nhận các trường hợp cá nhân hoặc đơn vị tự ý đổi thời khóa biểu sau khi đã có danh sách lớp học phần. Để không ảnh hưởng đến lịch học cá nhân của sinh viên, trong trường hợp bất khả kháng khoa/ bộ môn có thể bố trí giảng viên cùng chuyên môn dạy thay buổi học đó hoặc giảng viên phải báo hủy lịch dạy, xin dạy bù vào thời gian thích hợp. Trường chỉ chấp nhận Phiếu báo bận của giảng viên kèm theo bản copy Quyết định của Hiệu trưởng cử giảng viên đi công tác, học tập... trong thời gian xin hủy lịch dạy. Ngoài ra, mọi thay đổi về thời khóa biểu thực hiện quy chế đào tạo hiện hành.

12.2. Trường có Ban thanh tra đào tạo để thanh tra, giám sát nội bộ việc thực hiện quy chế đào tạo của giảng viên và sinh viên; có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của sinh viên về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học phần của Trường, kết quả khảo sát được xử lý theo quy định của Trường.

12.3. Căn cứ quy định về giảng dạy trực tuyến của Nhà trường, khoa Quản lý CTĐT đề xuất danh mục các học phần được tổ chức giảng dạy bằng hình thức trực tuyến; chiếm tối đa 30% tổng số tín chỉ các học phần trong CTĐT (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh). Lớp học trực tuyến được tổ chức khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học hình thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học hình thức trực tiếp; các học phần giảng dạy trực tuyến phải quy định trong đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt.

12.4. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên được phân công giảng dạy hoặc hướng dẫn cho sinh viên các nội dung thí nghiệm, thực hành, các học phần đồ án, thực tập ...

a) Thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức theo quy định của Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức và pháp luật có liên quan; Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của sinh viên, đối xử công bằng với sinh viên, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên; Tham gia quản lý đơn vị, tham gia công tác Đảng, đoàn thể khi được tín nhiệm và các công tác khác được trường, khoa, bộ môn giao; Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy chế, quy định của Trường;

b) Giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần một cách khách quan, chính xác theo đúng đề cương chi tiết học phần và kế hoạch giảng dạy đã được ban hành;

c) Vận dụng linh hoạt và thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá để đảm bảo truyền thụ cho sinh viên phương pháp luận, phát triển năng lực nhận thức, năng lực sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp;

d) Tham gia quản lý giờ học của sinh viên trên lớp, phòng thí nghiệm, nhà xưởng hoặc trên thực địa và hướng dẫn sinh viên thực tập học phần ngoài trường, tự học, tự nghiên cứu, bao gồm: Xác định và giao các vấn đề, nội dung, yêu cầu để sinh viên hoặc nhóm sinh viên chuẩn bị cho nghe giảng và thảo luận trên lớp, thực hành, thí nghiệm; Xác định và giao các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên hoặc nhóm sinh viên;

12.5. Trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn và các đơn vị quản lý, hỗ trợ liên quan đến sinh viên:

a) Đơn vị quản lý đào tạo: Lập tiến độ đào tạo trong năm học, lên kế hoạch mở lớp học phần cho từng học kỳ, tiếp nhận phân công giảng dạy cho giảng viên từ các khoa/bộ môn; xếp thời khóa biểu từng học kỳ; tổ chức cho sinh viên đăng ký học phần; chủ trì xét điều kiện cảnh báo học tập, thôi học; quản lý các bảng điểm gốc, kết quả học

tập của sinh viên, bảng tổng hợp kết quả học tập của sinh viên theo Quyết định tốt nghiệp, tổ chức in ấn, cấp phát văn bằng, chứng chỉ của hệ chính quy do Phòng Đào tạo thực hiện; của hệ vừa làm vừa học do Trung tâm đào tạo thường xuyên thực hiện.

b) Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: Tổ chức xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi kết thúc học phần; xây dựng kế hoạch và tổ chức thi kết thúc học phần; khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của người học về học phần và giảng viên giảng dạy.

12.6. Trách nhiệm và quyền hạn của sinh viên khi tham dự các lớp học, tham gia thí nghiệm, thực hành hoặc khi được giao thực tập, đồ án, khoá luận và các hoạt động học tập khác. Sinh viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin ĐHDL để xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, qui định liên quan đến đào tạo qua trang web của trường theo địa chỉ <http://www.epu.edu.vn>.

a) Nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để đăng ký học phần chính xác; đáp ứng các điều kiện để được đăng ký học phần thành công.

b) Tham dự đầy đủ các giờ lên lớp, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của sinh viên khi giảng viên yêu cầu.

c) Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, bài thi kết thúc học phần và hoàn thành báo cáo thực tập, thực hành, thí nghiệm theo quy định.

d) Thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ khác của sinh viên theo quy chế học sinh, sinh viên hiện hành.

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
Q. HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Văn Châu

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2023

**KHOA QUẢN LÝ CN & NL
KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

Nguyễn Đạt Minh

Bảng ký hiệu viết tắt

Ký hiệu	Nội dung
CLO	Course Learning Outcomes – Chuẩn đầu ra học phần
CĐR	Chuẩn đầu ra
CSN	Cơ sở ngành
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐHDL	Đại học điện lực
GDĐC	Giáo dục đại cương
GDĐT	Giáo dục đào tạo
KĐCL	Kiểm định chất lượng
PI	Performance indicators - Chỉ báo
PGS	Phó giáo sư
PEO	Program educational objectives – Mục tiêu chương trình đào tạo
PLO	Program Learning Outcomes – Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
QLCN&NL	Quản lý công nghiệp và năng lượng
TC	Tín chỉ
Ths	Thạc sĩ
THPT	Trung học phổ thông
TS	Tiên sĩ

